

Tập 44

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm mươi ba:

(Sớ) Hồi hướng Bồ Đề giả, phàm sở tu vi, hàm nguyện vãng sanh, thị danh hồi hướng, nhi hướng vô tha hướng, hồi hướng Tây Phương giả, hồi hướng tự tánh dã.

(疏)回向菩提者，凡所修為，咸願往生，是名回向。

而向無他向，回向西方者，回向自性也。

(Sớ: Hồi hướng Bồ Đề là phàm những gì tu tập, thực hiện, đều nguyện vãng sanh. Đó gọi là hồi hướng, nhưng không hướng về nơi nào khác, hồi hướng Tây Phương là hồi hướng tự tánh).

Mấy câu này nhằm chú giải câu “hữu nguyện giai hồi hướng Bồ Đề” (có nguyện nào cũng đều hồi hướng Bồ Đề). Học Phật vì sao phải hồi hướng? Có những chuyện nào cần phải hồi hướng? Hồi hướng cho ai? Chúng ta cần phải hiểu rõ những điều này. Phàm là người thật sự học Phật, bất luận thiện sự nào, đại thiện, tiểu thiện, quý vị tu pháp thế gian hoặc xuất thế gian đều phải hồi hướng. Ở đây nói rất rõ ràng: “Phàm sở tu vi” (phàm những gì đã tu tập, tạo tác), “vi” (為) là tạo tác, “tu” (修) là tu hành, “hàm nguyện vãng sanh” (đều nguyện vãng sanh), bất luận làm chuyện gì, chúng ta chỉ có một mục tiêu: Cầu sanh Tịnh Độ! Ý niệm cầu sanh Tịnh Độ này thời thời khắc khắc chẳng thể quên mất! Làm hết thủy điều lành, làm thiện sự, tu phước thì tu phước ấy để làm gì? Giúp cho ta vãng sanh.

Vãng sanh cũng phải nhờ vào phước báo. Trong kinh luận thường nói: “Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo” (khi lâm chung, tâm không điên đảo), đó là đại phước báo. Đối với hết thủy thiện pháp đã tu, tuyệt đối chẳng cầu thiện quả trong hiện tại, chẳng cầu phước ấy. Tu phước nhưng chẳng muốn hưởng thụ phước báo ấy, muốn khi nào sẽ hưởng thụ? Lúc lâm chung không bị bệnh, đó là đại phước báo. Người thế gian nói đến “ngũ phước”, tức là phước gồm có năm loại lớn. Khi tuổi thọ đã hết, tinh tảo, sáng suốt, đó là một trong năm loại phước, nhưng phước này trọng yếu nhất trong năm loại phước. Vì sao? Mọi người đều biết có lục đạo, sau khi chết sẽ luân hồi [trong lục đạo]. Phàm

là ác đạo, đều là do mê hoặc, điên đảo mới đi vào, có ai sáng suốt, tinh táo [mà khi lâm chung] đi vào ác đạo? Người khi lâm chung ngã bệnh, chẳng nhận biết người nhà, quyến thuộc, thậm chí bất tỉnh nhân sự, rất nguy hiểm! Trong tình hình ấy, dầu chúng ta trợ niệm giúp cho người ấy, tận hết tâm lực của chúng ta, người ấy có thể thụ dụng hay không? Rất khó nói! Nếu người ấy lúc lâm chung tỉnh táo, sáng suốt, chúng ta trợ niệm cho người ấy, sẽ rất có hiệu quả. Đủ thấy lúc lâm chung có quan hệ với phước báo trong cả một đời và nhân quả trong đời sau. Vì vậy, hết sức trọng yếu. Do điều này, trong đời này khi chúng ta còn sống, bất luận tu điều lành lớn hay nhỏ đều mong mỏi nó sẽ giúp cho chúng ta lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền, niệm Phật hiệu rõ ràng sáng suốt vắng sanh. Đó gọi là “*hồi hướng*”, ý nghĩa của “*hồi hướng*” là ở chỗ này.

Hồi hướng còn có một tầng ý nghĩa nữa là phá Ngã Chấp. Người thế gian Ngã Chấp khá nặng, khởi tâm động niệm chắc chắn chẳng quên cái ta. Hễ làm chuyện gì, ý niệm đầu tiên là nghĩ nó có lợi cho mình hay không. Ý niệm này là bấp sinh, chẳng cần phải học, nói chung là mong [chuyện ấy] sẽ có lợi cho chính mình. Do đây có thể biết: Ngã Chấp tăng trưởng hằng ngày, Ngã Chấp là căn nguyên của Phiền Não Chướng. Không có Ngã Chấp, Phiền Não Chướng bị phá; không có Pháp Chấp, Sở Tri Chướng bị phá. Do vậy, đây là căn bản của hai thứ trọng chướng. Bất luận làm chuyện gì cũng đều chịu hồi hướng, Ngã Chấp sẽ nhạt bớt rất nhiều. Ta làm thiện sự nào cũng chẳng vì chính mình, mà vì hết thảy chúng sanh, ta có phước báo, chính mình chẳng cần hưởng, để cho chúng sanh hưởng, nhường cho mọi người hưởng, khiến cho cái Ngã nhỏ nhoi hóa thành Đại Ngã, như vậy mới là tốt đẹp!

“*Nhi hồi hướng vô tha hướng*” (nhưng hồi hướng không nhằm hưởng đến điều nào khác), đây là đặc biệt nói với người tu Tịnh Độ. Nếu chúng ta nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, quý vị niệm niệm đều phải hồi hướng Tây Phương, chớ nên hồi hướng về nơi nào khác, niệm niệm chẳng quên Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm niệm đều tu Tây Phương. “*Hồi hướng Tây Phương*” là “*hồi hướng tự tánh*”. Kinh này dạy như vậy, mà kinh Hoa Nghiêm cũng nói như thế. Vì có những kẻ chẳng hiểu đạo lý này, chúng ta làm thiện sự nhiều ngàn ấy thay cho người khác, cuối cùng [chính mình] cũng chẳng đạt được gì, ta làm để làm chi? Chẳng làm nữa! Do vậy, đến cuối cùng, [tổ Liên Trì] bảo quý vị hồi hướng Tây Phương là hồi hướng tự tánh viên mãn, toàn bộ vẫn là chính mình đạt được, thật sự đạt được. Nếu hiện thời vì cái

Ngã nhỏ nhoi, vì thân thể hiện tại này của chính mình thì kết quả sẽ là điều gì cũng chẳng đạt được! Bởi lẽ, thân thể này khi sanh không mang theo đến, chết chẳng mang theo đi; nếu ta vì nó thì quý vị đã bị lừa rồi, chịu thiệt thòi rồi! Nếu vì tự tánh thì tự tánh là Chân Ngã, thân thể này là cái Ngã sanh diệt, còn tự tánh là Chân Ngã bất sanh bất diệt. Hiểu rõ đạo lý này, quý vị sẽ hiểu hồi hướng là điều phải nên tu học.

(Diễn) Mạt nhị cú.

(疏) 末二句。

(Diễn: Hai câu cuối).

Hai câu cuối là hai câu “*triển thử tinh thành, cầu khát gia bị*” (giải bày tấm lòng tinh thành này, cầu xin [Tam Bảo] gia bị) trong lời Tựa.

(Diễn) Nhiếp tiền khởi hậu.

(演) 躡前起後。

(Diễn: Thâu tóm phần trước, phát khởi phần sau).

Tổng kết phần trước, phát khởi tiểu đoạn Thịnh Gia (thỉnh cầu gia bị) trong phần sau.

(Sớ) Dục hưng thiện sự, tất trọng Phật gia.

(疏) 欲興善事，必仗佛加。

(Diễn: Muốn làm chuyện tốt lành, ắt cậy nhờ Phật gia bị).

Ý nghĩa này rất sâu, mà cũng hết sức chân thật. Nếu không có Tam Bảo gia trì, chúng ta muốn thật sự làm một chuyện tốt lành nào sẽ rất khó, vì sao? Ma đến nhiều loạn, rất khó làm một chuyện tốt. Cổ đại đức cũng thường nói, [ví dụ như] dùng giảng kinh để nói, nếu không được Tam Bảo gia trì, chẳng thể giảng kinh này được, nhất định phải cậy vào Tam Bảo gia trì. Không được Tam Bảo gia trì, quý vị chỉ giảng tôi đa là văn tự mà thôi, giống như thầy giáo dạy Quốc Văn trong nhà trường, dạy văn tự, nhưng không có cách nào nói ra nghĩa lý được. Ý nghĩa của kinh Phật gần như là ý nằm ngoài lời, chẳng thể thấy nơi mặt văn tự, nhất định phải cầu Tam Bảo gia trì.

Có nhiều vị đại đức giảng kinh, quý vị hỏi họ: “Ông giảng kinh này như thế nào?” Chính họ không biết! Khi pháp sư Đế Nhân còn giảng kinh trên cõi đời, cư sĩ Tướng Duy Kiêu¹ và cư sĩ Giang Vị Nông đều là thính chúng trong pháp hội của Ngài, họ đều là những đại cư sĩ xuất chúng vào thời đầu Dân Quốc. Viên Giác Kinh Thân Văn Ký là bút ký của ông Tướng Duy Kiêu, ông ta vừa nghe vừa ghi. Ghi xong, trao cho lão hòa thượng xem, xin lão hòa thượng sửa chữa. Lão hòa thượng đọc bút ký xong, hỏi ngược lại ông ta: “Bài ký này của ông là do tôi giảng đó ư” Ông ta thưa: “Vâng!” [Hòa thượng nói]: “Làm sao tôi giảng khá như vậy được?” Chính Ngài cũng không biết! Tam Bảo gia trì đấy! Khi lão hòa thượng giảng kinh, chính mình cũng có chuẩn bị, Ngài giảng nghĩa kinh Viên Giác, rốt cuộc là những điều Ngài giảng đều ở ngoài những thứ Ngài tính giảng nghĩa mà chính Ngài cũng chẳng biết! Đây là lên đài giảng được thần lực gia trì!

Thầy Lý ở Đài Trung cũng giống như vậy. Thầy Lý giảng kinh chuẩn bị rất cẩn thận. Thầy giảng kinh hôm thứ Tư thì ngày hôm ấy không tiếp khách, dành một ngày để định tâm, chuẩn bị cho khóa giảng kinh vào buổi tối; nhưng sau khi cụ lên giảng đài, những điều cụ nói ra khác với những gì cụ đã chuẩn bị, chẳng hề nói tới những điều cụ đã chuẩn bị. Những điều cụ nói trên giảng đài hoàn toàn chẳng phải là những gì cụ đã chuẩn bị. Thần lực gia trì! Quả thật là như thế. Tôi lên đài giảng kinh cũng vậy: Tôi bước xuống giảng đài, quý vị hỏi tôi giảng những gì, tôi không biết. Thông thường tôi giảng gì đều không chuẩn bị, nhất là bộ kinh này đã được giảng nhiều lần, nhưng mỗi lần đều giảng khác nhau. Do vậy, không có thần lực gia trì sẽ chẳng được! Nhất định phải nhờ vào Tam Bảo gia trì. Đây là nêu lên một thí dụ, thí dụ này là

¹ Tướng Duy Kiêu (8173-1958), tự Trúc Trang, biệt hiệu Nhân Thị Tử, người huyện Vũ Tấn, Thường Châu, tỉnh Giang Tô. Ông thuở nhỏ ốm yếu, cứ phải nghỉ học thường xuyên, đến năm mười tám tuổi, do học Tiểu Châu Thiên Khí Công mới khôi phục sức khỏe. Năm hai mươi tám tuổi, mắc bệnh phổi nặng, bèn dứt tuyệt thế duyên, tịnh luyện Tiểu Châu Thiên để chữa bệnh. Bài viết của ông Tướng về chuyện này đã được hòa thượng Viên Đức dịch thành phần phụ lục trong bộ Mật Pháp Nhất Tự Đà La Ni Kinh. Ông là một nhà triết học, giáo dục kiêm Phật học nổi tiếng đầu thời Dân Quốc, trước tác rất nhiều. Những tác phẩm trọng yếu có Trung Quốc Cận Tam Bách Niên Triết Học Sử, Lữ Thị Xuân Thu Hội Giáo, Phật Học Khái Luận, Phật Học Cương Yếu. Tác phẩm Chi Na Phật Sử Cương của ông đã được học giả Cảnh Dã Triết (Sakai Satoru) của Nhật dịch ra tiếng Nhật và ghép vào bộ Trung Quốc Phật Giáo Sử của mình. Ông còn hợp tác với Dương Đại Ứng để soạn bộ Trung Quốc Triết Học Sử Cương Yếu và Tổng Minh Lý Học Cương Yếu.

như vậy đó, hết thầy thiện sự không có ngoại lệ! Do vậy, quý vị nhất định phải phát Bồ Đề tâm, phải tu Bồ Tát đạo thì mới có thể cảm ứng mười phương hết thầy chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên ủng hộ. Đó là điều mọi người mong cầu, cầu không được, nhất định phải nhờ vào cảm ứng. Do vậy, ở đây nói “*tất trọng Phật gia*” (ắt nhờ vào Phật gia bị), tức là Phật lực gia trì.

(Sớ) Bồ Tát thả nhiên, huống phục phàm phẩm.

(疏) 菩薩且然，況復凡品。

(Sớ: Bồ Tát còn phải như vậy, huống là hạng phàm phu).

Bồ Tát còn phải cầu Phật gia trì, huống hồ chúng ta là phàm phu ư? Phàm phu càng phải cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Đại sư soạn bản chú giải này cầu Phật gia trì.

(Sớ) Tinh giả vô nhị, thành giả bất hư, cổ vị: “Tinh thành chi cực, quý thần dữ thông”, nhi huống Tam Bảo đại từ, mãn niệm chúng sanh, do như xích tử.

(疏) 精者無二，誠者不虛。古謂精誠之極，鬼神與通，而況三寶大慈，憫念眾生，猶如赤子。

(Sớ: Tinh là không hai, Thành là chẳng dối. Cổ nhân nói: “Tinh thành đến cùng cực, sẽ cảm thông quý thần”, huống chi Tam Bảo đại từ, nghĩ thương xót chúng sanh như con đỏ).

Mấy câu này giảng về sự cảm ứng. Cầu cảm ứng như thế nào? Phải “*tinh thành*”, như thường nói “*thành tắc linh*” (thành kính sẽ linh). Trong sách Liễu Phàm Tứ Huán có nói: Xưa kia, khi vẽ bùa niệm chú, thầy bùa có thể giao tiếp với quý thần, bùa do ông ta vẽ sẽ linh. Thật ra, [chẳng phải chỉ riêng ông ta vẽ] bùa, bùa mới linh, bất cứ người nào trong số quý vị vẽ bùa đều linh, chỉ cần tuân theo một nguyên tắc: Thành! Hễ chí thành ắt linh! Do vậy, bình thường phải luyện tập, phải vẽ bùa cho thật thuần thực. Khi vẽ, châm bút xuống liền vẽ thành công một lá bùa, trong tâm chẳng khởi một ý niệm, lá bùa ấy bèn linh. Thành tâm vẽ, chẳng sanh một niệm. Nếu có tạp niệm trong ấy, lá bùa đó chẳng linh. Niệm chú cũng giống như vậy. Có người niệm chú linh, có người niệm chú chẳng linh. Niệm bài chú ấy từ đầu đến cuối, trong ấy chẳng có

một tạp niệm, đọc một hơi xong, trong tâm chẳng khởi một niệm, bài chú ấy sẽ linh. Chỉ cần khởi một vọng niệm, chú sẽ chẳng linh. Do vậy, biết rằng: Chú dài chẳng bằng chú ngắn, chú dài chẳng dễ nhiếp tâm, dễ khởi vọng tưởng. Khi niệm A Di Đà Phật không có vọng tưởng sẽ rất linh. Nếu niệm A Di Đà Phật mà vẫn khởi vọng tưởng thì câu Phật hiệu cũng chẳng linh. Đạo lý đơn giản như vậy đó, nhưng quý vị phải làm được. Vì thế, do tâm chí thành có thể giao tiếp với quỷ thần. Quỷ thần mà còn có thể giao tiếp được, huống là Phật, Bồ Tát ư? Năng lực của Phật, Bồ Tát lớn hơn quỷ thần quá nhiều. Cổ nhân nói: “*Tinh thành chi cực, quỷ thần dữ thông*” (Lòng tinh thành đến cùng cực sẽ cảm thông quỷ thần). Câu này được chép trong bộ sách Quán Tử.

(Diễn) *Quỷ thần dữ thông giả, Quán Tử vân: “Tur chi, tur chi, hựu trùng tur chi. Tur chi bất đắc, quỷ thần kỳ tương thông chi”, phi quỷ thần chi dữ thông, nãi tinh thành chi cực dã.*

(演)鬼神與通者。管子云：思之思之，又重思之，思之不得，鬼神其將通之，非鬼神之與通，乃精誠之極也。

(Diễn: “Thông với quỷ thần”: *Quán Tử nói: “Hãy nghĩ đi, hãy nghĩ đi, lại suy nghĩ nữa đi. Suy nghĩ không ra thì quỷ thần sẽ giúp cho thông suốt”. Chẳng phải là quỷ thần giúp cho thông suốt, mà đây là do lòng tinh thành đến tột bậc [cảm vờ] vậy).*

Trong đoạn này có mấy câu rất nổi tiếng trong sách Quán Tử² luận về chuyện cảm ứng đạo giao. Chúng ta hy vọng cảm ứng đạo giao cùng Phật, Bồ Tát, hy vọng Phật, Bồ Tát thường gia trì chúng ta, điều kiện duy nhất là “*chí thành, cung kính*”. Bất luận trong cảnh giới nào, thuận cảnh cũng thế, mà nghịch cảnh cũng thế, giữ cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ cảm ứng. Nếu trong thuận cảnh mà tâm hoan hỷ thì không được rồi! Trong tâm thanh tịnh không có tâm hoan hỷ. Trong nghịch cảnh có phiền não thì tâm quý vị lại bị ô nhiễm, lại chẳng thanh tịnh. Chẳng thanh tịnh thì chẳng chí thành! Trong thành

² Quán Tử là bộ sách được coi là do Quán Trọng (một chính trị gia nổi tiếng thời Xuân Thu, giúp Tề Hoàn Công thành tựu nghiệp bá) viết, nhưng các nhà nghiên cứu cho rằng tác phẩm này chỉ được gán cho Quán Trọng nhằm tăng uy thế, vì sách có chép những sự kiện sau khi Quán Trọng đã mất. Sách gồm tám mươi sáu thiên, nhằm trình bày tư tưởng chính trị của Quán Trọng: Vận dụng pháp luật để cai trị. Sách này rất được các nhà tư tưởng thuộc phái Pháp Gia coi trọng, nhất là Hàn Phi Tử.

tâm không có mừng, giận, buồn, vui, tâm ấy vĩnh viễn thanh tịnh. Pháp hỷ khác hẳn, pháp hỷ không phải là hỷ như trong hỷ nô (mừng, giận); hỷ, nô, ai, lạc (mừng, giận, buồn, vui) là tương đối. Pháp hỷ từ nội tâm sanh ra, khác hẳn. Nó chẳng phải là phản ứng đối với cảnh giới bên ngoài, mà từ nội tâm sanh ra. Do vậy nói “pháp hỷ sung mãn” khác hẳn. Khi pháp hỷ thì tâm vẫn thanh tịnh, trong tâm không dấy lên sóng gió, chẳng có dấy lên hay chìm xuống, tâm là thanh tịnh, từ bi, bình đẳng, trong ấy có vô lượng hoan hỷ, không trở ngại mọi sự.

Tam Bảo là Phật, Bồ Tát, đại từ, đại bi, “*mẫn niệm chúng sanh, do như xích tử*” (nghĩ thương xót chúng sanh như con đò), câu này là tỷ dụ, tỷ dụ Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng từ bi đối với chúng sanh. Từ bi và yêu thương có cùng một ý nghĩa, vì sao trong kinh Phật chẳng nói thương yêu, mà nói tới lòng Từ? Ở đây, cũng có một chút sai biệt, Ái (yêu thương) sanh từ “tình” (tình cảm, tình kiến), trong ấy có dính líu tình, ô nhiễm! Từ bi sanh từ lý trí, sanh từ trí huệ, chẳng ô nhiễm. Nói cách khác, lòng yêu thương do tâm thanh tịnh thì gọi là từ bi, lòng từ bi chẳng thanh tịnh thì gọi là Ái. Từ bi và Ái là một chuyện, nhưng một đẳng là tâm mê, một đẳng là tâm giác, tức là tâm giác ngộ. Tâm giác ngộ khởi tác dụng, chúng ta gọi nó là từ bi, tâm mê thì gọi là ái tình. Ái tình và từ bi là một, chẳng phải hai. Điều này nói rõ Phật, Bồ Tát hết sức yêu thương chúng sanh.

“*Đản hữu lợi ư chúng sanh, tinh thành cầu chi, ninh bất gia bị*” (Chỉ cần có lợi cho chúng sanh, [chúng sanh đã dùng] lòng tinh thành để cầu mong, lẽ đâu [Phật, Bồ Tát] chẳng gia bị?). “*Bị*” (被) là chữ Phá Âm³, có cùng ý nghĩa với chữ Phi (披). Phật, Bồ Tát niệm niệm muốn cứu độ hết thảy chúng sanh, giống như trong Tứ Hoảng Thệ Nguyện đã nói: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Nay quý vị phát tâm muốn độ chúng sanh, sao các Ngài không hoan hỷ? Giống như quý vị giúp sức cho các Ngài, quý vị giúp đỡ các Ngài thì các Ngài cũng giúp đỡ quý vị. Quý vị chẳng chịu giúp đỡ các Ngài thì các Ngài cũng chẳng có cách nào hết, các Ngài muốn gia trì quý vị cũng chẳng được! Điều này cũng

³ Phá Âm Tự là một chữ có nhiều âm đọc, tùy theo cách đọc mà sẽ có ý nghĩa khác nhau, tuy mặt chữ không đổi. Như chữ Bị trong đoạn này này có ba âm đọc:

1) Bị có nghĩa là tấm chăn, mang vác.

2) Bí có nghĩa là tóc giả

3) Phi là mang khoác.

Theo Hòa Thượng, chữ Bị ở đây phải đọc là Phi, theo ý nghĩa thứ ba; nhưng ta vẫn quen đọc là Gia Bị.

nhằm khơi gợi lòng tin nơi chúng ta: Thật sự phát tâm lợi ích chúng sanh thì Phật, Bồ Tát không vị nào chẳng che chở, gia bị, không vị nào chẳng gia trì quý vị. Nếu vì chính mình hoặc vì gia đình mình cầu Phật, Bồ Tát gia trì thì sẽ khó khăn hơn. Phải là có nhân duyên khác thì mới có thể thật sự cầu được. Nếu không có nhân duyên nào khác, sẽ chẳng dễ dàng cho lắm! Nếu vì lợi ích hết thảy chúng sanh thì Phật, Bồ Tát gia trì rất dễ dàng; đây là lẽ đương nhiên, chắc chắn Phật, Bồ Tát gia trì. Bản thân chúng ta nhất định phải tin tưởng điều này!

Tiếp theo đây là bài kệ thỉnh gia bị của đại sư, thỉnh cầu Phật, Bồ Tát gia trì, ban cho Ngài trí huệ và năng lực để soạn một bản chú giải kinh Di Đà hay đẹp nhằm lợi ích hết thảy chúng sanh. Có bốn bài kệ, mỗi bài kệ gồm bốn câu, bốn bài là mười sáu câu.

Ngũ, thỉnh gia

(Tự) Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ, Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn, bất khả tư nghị Phật hộ kinh, Xá Lợi, Văn Thù chư thánh giả.

五、請加

(序)歸命娑婆說法主，西方接引大慈尊，不可思議佛護經，舍利文殊諸聖者。

(Tự: Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ, Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn, kinh Phật hộ niệm chẳng nghĩ bàn, Xá Lợi, Văn Thù, các đức thánh).

Bài kệ thứ nhất là quy y, xem tiếp bài kệ thứ hai.

(Tự) Nhị độ lục phương biến trần sát, quá khứ, kiến tại cập đương lai, vô tận Tam Bảo hàm chứng tri, duy nguyện từ bi nhiếp thọ ngã.

(序)二土六方遍塵刹，過去見在及當來，無盡三寶咸證知，惟願慈悲攝受我。

(Tự: Hai cõi, sáu phương khắp trần sát, quá khứ, hiện tại và tương lai, vô tận Tam Bảo cùng chứng tri, kính nguyện từ bi nhiếp thọ con).

[Xưa kia] chữ “kiến” (見) và chữ “hiện” (現) trong hiện tại có cùng một âm, có cùng một ý nghĩa. Bài kệ trước nói đến Tam Bảo của bản kinh này: Người nói bản kinh này là Thích Ca Mâu Ni Phật, vị được nói đến là A Di Đà Phật trong thế giới Tây Phương, đều là Bồn Sư của chúng ta.

Bài kệ thứ hai nói đến vô tận Tam Bảo, đặc biệt là “*sáu phương chư Phật khen ngợi khuyên tu*” trong kinh này, đây là nói tới mười phương hết thấy Tam Bảo, chúng ta đều phải nên quy y. Hai bài kệ cuối cùng chính thức thỉnh cầu Tam Bảo gia bị.

(Tự) Ngã kim vọng dĩ uế độ kiến, lãi trắc Như Lai thanh tịnh tâm.

(序) 我今妄以穢土見，蠡測如來清淨心。

(Tựa: Con nay lầm dùng uế độ kiến giải, dò đoán Như Lai thanh tịnh tâm).

Đương nhiên là đại sư khiêm hư, nhưng nếu so với Phật để nói thì [lời này] cũng là chân thật. Chúng ta sống trong thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là cõi uế ác, chẳng phải là thế giới thanh tịnh, tâm địa bị lục trần ô nhiễm, đối với nghĩa thú trong kinh điển chỉ đoán mò mà thôi, làm sao có thể liễu giải nghĩa chân thật của Như Lai? Do vậy, trước hết dùng ngay cảnh giới ở ngay trước mắt của chính mình để nói, ý nghĩa ấy hết sức miên cường!

(Tự) Ngưỡng thừa Tam Bảo đại oai thần, gia bị phàm ngu thành thắng trí.

(序) 仰承三寶大威神，加被凡愚成勝智。

(Tựa: Vâng nhờ Tam Bảo đại oai thần, gia bị phàm phu thành trí sáng).

Đây là cầu gia bị, ngưỡng mong oai thần Tam Bảo gia trì, khiến cho lũ phàm phu chúng con cũng có trí huệ thù thắng giống như chư Phật, Bồ Tát thì mới có thể hoằng truyền kinh này, mới có thể soạn chú giải cho bản kinh này.

(Tự) Sĩ ngã ngôn ngôn phù Phật ý.

(序) 使我言言符佛意。

(Tựa: Khiến con từng chữ hợp ý Phật).

“Ngôn ngôn” là từng chữ một, [“sử ngã ngôn ngôn phù Phật ý”] là từng chữ trong bản chú giải này đều phù hợp với ý nghĩa của Phật.

(Tựa) Lưu thông hà nhĩ ích hàm linh.

(序) 流通遐邇益含靈。

(Tựa: Lưu thông xa gần lợi hàm linh).

Đây là bốn nguyện của Ngài: Chú giải kinh chẳng vì danh lợi, chẳng vì chính mình, mà nhằm lợi ích chúng sanh, giúp đỡ người khác, khuyên họ tu Tịnh Độ.

(Tựa) Kiến văn tùy hỷ tất vãng sanh, đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả.

(序) 見聞隨喜悉往生，同證寂光無上果。

(Tựa: Thấy nghe tùy hỷ tất vãng sanh, cùng chứng Tịch Quang vô thượng quả).

Mục tiêu chỉ có như vậy mà thôi; đủ thấy Ngài nguyện nào cũng nhằm lợi ích chúng sanh, chẳng vì chính mình.

(Diễn) Kệ trung sơ bát cú, thị tiên quy mạng.

(演) 偈中初八句，是先皈命。

(Diễn: Tám câu kệ đầu tiên là trước hết quy mạng [Tam Bảo]).

Trước hết, hai bài kệ đầu tiên trong phần trước là quy y.

(Diễn) Thứ bát cú, thị chánh thỉnh gia.

(演) 次八句，是正請加。

(Diễn: Tám câu kế tiếp là phần chính thức thỉnh Tam Bảo gia bị).

Tám câu tiếp theo là hai bài kệ sau, là phần “chánh thỉnh gia”, tức là chính thức thỉnh Phật lực gia trì.

(Diễn) Sơ trung hựu nhị.

(演) 初中又二。

(Diễn: Trong phần đầu lại gồm hai phần nhỏ).

“Sơ trung” là hai bài kệ quy y trong phần đầu, hai bài kệ này mang hai ý nghĩa.

(Diễn) Sơ tứ cú.

(演) 初四句。

(Diễn: Bốn câu đầu).

Tức là bài kệ thứ nhất.

(Diễn) Tựu bốn kinh Tam Bảo.

(演) 就本經三寶。

(Diễn: Chính là [nêu rõ] Tam Bảo trong kinh này).

Tôi vừa mới nói với quý vị điều này.

(Diễn) Hậu tứ cú, chỉ vô tận Tam Bảo.

(演) 後四句，指無盡三寶。

(Diễn: Bốn câu cuối nêu ra vô tận Tam Bảo).

Mười phương Tam Bảo. Bài kệ thứ ba là...

(Diễn) Thứ trung hữu tam, sơ nhị cú, tiên xuất thỉnh gia sở dĩ.

(演) 次中有三，初二句，先出請加所以。

(Diễn: Phần tiếp theo gồm ba đoạn, hai câu đầu là trước hết nêu lên lý do thỉnh cầu gia bị).

Nêu lý do cầu Phật gia trì: Vì sao tôi phải cầu Phật gia trì?

(Diễn) Trung tam cú, thị chánh cầu gia bị, hậu tam cú, thị hồi hướng Bồ Đề.

(演) 中三句，是正求加被。後三句，是回向菩提。

(**Diễn:** Ba câu trong đó là chính thức câu gia bị, ba câu sau là hồi hướng Bồ Đề).

Ba câu sau đó từ “*lưu thông hà nhĩ ích hàm linh*” cho đến “*đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả*”.

(**Diễn**) *Sa Bà, thứ vân Kham Nhẫn, Phật cụ tam duyên từ danh đại từ. Thứ kinh Thanh Văn chúng trung, Xá Lợi vi thủ, Bồ Tát chúng trung, Văn Thù vi thủ, cố đặc tiêu xuất.*

(演)娑婆，此云堪忍。佛具三緣慈名大慈，此經聲聞

眾中舍利為首，菩薩眾中文殊為首，故特標出。

(**Diễn:** *Sa Bà* được coi này dịch là *Kham Nhẫn*. Đức Phật có đủ ba thứ duyên từ nên gọi là “*đại từ*”. Trong kinh này, ngài *Xá Lợi Phất* là thượng thủ trong chúng *Thanh Văn*, ngài *Văn Thù* là thượng thủ trong chúng *Bồ Tát*, nên đặc biệt nêu tên hai vị).

Giải thích bài kệ thứ nhất. “*Sa Bà*” (*Sahā-lokadhātu*) là tiếng Phạn dịch âm, có nghĩa là *Kham Nhẫn*; [ý nói] thế giới này khổ quá, nhưng chúng sanh trong thế giới này đều có thể chịu đựng, lại còn rất quen với hoàn cảnh xấu hèn này. Có nơi tốt đẹp muốn họ sanh về đó, họ chẳng muốn đi; do vậy mới có danh xưng này, cho nên gọi là thế giới *Kham Nhẫn*. Thế giới này hết sức bất hảo, thua kém quá xa các cõi thanh tịnh của chư Phật trong mười phương, nhưng chúng sanh ở nơi này mà thật sự muốn phát nguyện, muốn lìa bỏ thế giới này quả thật chẳng nhiều!

Đức Phật được gọi là “*đại từ*” vì đức Phật có đủ ba thứ duyên từ. Thông thường, chúng ta gọi duyên từ là *Ái Duyên Từ*. Đức Phật không có *Ái Duyên Từ*, nhưng chúng sanh thì có: Tôi thích ai đó, tôi rất từ bi đối với người ấy; tôi chẳng ưa kẻ nào, tôi chẳng từ bi đối với hắn. Đó là *Ái Duyên Từ*, đức Phật không có [loại duyên từ] này. Ngoài *Ái Duyên Từ* ra, đức Phật có trọn đủ ba thứ duyên từ khác: *Chúng Sanh Duyên Từ*, *Pháp Duyên Từ* và *Vô Duyên Từ*. *Ái Duyên Từ* hoàn toàn xuất phát từ cảm tình của chính mình. *Chúng Sanh Duyên Từ* là *Lý Trí*, thường nói là “*thôi kỹ cập nhân*” (suy từ mình mà nghĩ đến người): Người kia chẳng có quan hệ gì với ta, nhưng khi kẻ ấy gặp khổ nạn, ta cũng nên trọn hết nghĩa vụ giúp đỡ kẻ ấy, không cần bất cứ báo đáp nào. Điều này thuộc về *Chúng Sanh Duyên Từ*. *Chúng Sanh Duyên Từ* là giống như những người có học vấn đạo đức trong thế gian; vào thời cổ họ là bậc thánh

hiền quân tử, họ có thể làm được; nhưng không thể thực hiện Pháp Duyên Từ vì họ không hiểu.

Pháp Duyên Từ là gì? Phạm vi của nó lớn hơn hai loại trước nhiều lắm. Bồ Tát mới trọn đủ Pháp Duyên Từ. Ngài dựa vào đâu để thể hiện lòng từ bi đối với hết thảy chúng sanh? Dựa vào pháp. Dựa vào pháp nào vậy? Nay chúng ta nói đến pháp dễ hiểu nhất, như mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát là pháp, Ngài tu nhân bằng cách tu mười đại nguyện vương, đối với hết thảy chúng sanh Ngài nhất định từ bi. “*Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai*”, những cảnh giới ấy đều vô lượng vô biên. Vì sao phải từ ái đối với hết thảy hữu tình và vô tình như vậy? Ta phải tu pháp này. Bồ Tát tu pháp vô thượng Bồ Đề, nhất định đại từ đại bi đối với hết thảy chúng sanh. Điều này khác với [hai thứ duyên từ trong] phần trước, cảnh giới cũng hết sức rộng lớn, đồng thời cũng là sử dụng chân tâm [để tu pháp này].

Đạt đến quả địa Như Lai, chính là Vô Duyên Đại Từ Đồng Thể Đại Bi, đây chính là Pháp Duyên Từ đạt đến rốt ráo, đạt đến viên mãn. Đến khi ấy, lòng từ ái đối với hết thảy chúng sanh là vô duyên, tức là vô điều kiện, không có bất cứ điều kiện nào, không có bất cứ lý do nào, vì sao? Vì hết thảy chúng sanh hữu tình và vô tình hoàn toàn có cùng một Thể với chính mình. Kính người khác là kính chính mình, kính chính mình là kính người khác. Tự - Tha bất nhị, Tự và Tha là một Thể. Đây là lòng từ bi của Như Lai. Do đức Phật trọn đủ ba thứ Chúng Sanh Duyên Từ, Pháp Duyên Từ và Vô Duyên Từ, nên Ngài được gọi là “đại từ”. Vì thế, chúng ta xưng tụng Phật, Bồ Tát là “đại từ đại bi”, ở đây gọi là “*đại từ tôn*”. [Danh xưng này] được dùng để gọi Thích Ca Mâu Ni Phật và Cực Lạc thế giới đạo sư A Di Đà Phật trong kinh này, [danh từ ấy] chuyên dùng để gọi hai vị này.

Câu “*bất khả tư nghị Phật hộ kinh*” nói về cuốn kinh này. Cuốn kinh này chẳng thể nghĩ bàn, được mười phương ba đời hết thảy chư Phật hộ niệm. Kinh này vốn có tựa đề là Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Ai xưng tán? Hết thảy chư Phật. Không có một vị Phật nào chẳng khen ngợi bộ kinh này; không có vị Phật nào chẳng khen ngợi pháp môn này. Quý vị kiểm trọn khắp Đại Tạng Kinh, có bộ kinh nào khác là kinh được hết thảy chư Phật hộ niệm hay chăng? Không có! Tìm không ra! Chỉ có một bộ kinh này là được hết thảy chư Phật hộ niệm.

Nếu chúng ta thật sự hiểu được ý nghĩa này thì trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị sẽ biết chọn lựa. Kinh này được hết thảy chư

Phật hộ niệm, nếu quý vị nương theo bộ kinh này để tu học thì nói cách khác, hết thầy chư Phật đều phải hộ niệm quý vị. Quý vị chẳng cầu các Ngài hộ niệm, các Ngài cũng phải hộ niệm vì các Ngài phải hộ niệm bộ kinh này. Quý vị hằng ngày đọc tụng kinh này, chiếu theo kinh này tu hành, lẽ nào các Ngài không hộ niệm? Nếu quý vị hy vọng hết thầy chư Phật đều bảo vệ quý vị, hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị, thì không có gì khác cả: Hãy niệm A Di Đà Kinh, niệm A Di Đà Phật là được rồi! Lợi ích thù thắng này còn kiếm ở nơi nào được nữa? Kiếm không ra! Người thật sự thông đạt Phật pháp, nếu chẳng tu Tịnh Độ, chẳng giữ lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy là kẻ xuẩn ngốc nhất, chẳng thể nào có hạng người như vậy được! Trừ phi kẻ ấy chưa thông hiểu, chưa từng thấy toàn bộ Phật pháp, chỉ thấy một bộ phận nào đó, thấy được phần này, chưa thấy được phần khác, nên chẳng thể tin tưởng. Nếu đã thấy toàn bộ thì nếu không phải là [do chính mình còn tham đắm nên] chẳng bỏ được nơi này, sẽ chẳng có lý do nào mà chẳng giữ lấy pháp môn Tịnh Độ! Bởi lẽ, pháp này quá thù thắng, hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này!

Lại còn có sáu phương Phật, đúng là mâu nhiệm đến tột bậc! Kinh nói số lượng chư Phật trong mỗi một phương của sáu phương là “*như Hằng hà sa số*”; thật ra, chẳng phải chỉ bằng số lượng cát trong một sông Hằng. Một giải sông Hằng rốt cuộc có bao nhiêu hạt cát? Chư Phật quá nhiều, không có cách nào tính toán, cát sông Hằng thấm vào đâu! Những vị Phật ấy không vị nào chẳng tán thán. Trong mỗi một phương, Thích Ca Mâu Ni Phật nêu vài danh hiệu tượng trưng. Phật nhiều như thế, rốt cuộc, Thích Ca Mâu Ni Phật nêu bao nhiêu vị? Nêu vị này sẽ sót tên vị kia, nêu tên vị kia sẽ sót tên vị khác nữa; nói chung là nêu lên một, sót muôn vàn, rốt cuộc phải nêu như thế nào thì mới nên? Tùy tiện nêu mấy vị ư? Chẳng thể được! Phật chẳng nói tùy tiện! Phật chẳng ăn nói tùy tiện đâu nhé! Ngài nói năng luôn có dụng ý, luôn có ý nghĩa rất sâu! Những danh hiệu của mấy vị Phật được Ngài nêu lên đều hàm nghĩa rất sâu.

Mùa Xuân năm nay chúng tôi giảng Di Đà Kinh Yếu Giải tại Hương Cảng. Trên giảng đài, khi đọc đến đoạn kinh văn này, chợt nhận ra, do giảng kinh quá thuần thực, chẳng cần phải chuẩn bị sẵn, đột nhiên nhận thấy những danh hiệu Phật ấy bao hàm ý nghĩa chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, cứ một mực nói ra, thính chúng rất hoan hỷ. Giảng xong, tôi lại viết bút ký, tôi cảm thấy giảng [ý nghĩa của] những danh hiệu ấy chẳng sai, đều là biểu thị pháp. Danh hiệu chư Phật từ A Súc Bệ Phật ở phương

Đông cho đến vị cuối cùng là Như Tu Di Sơn Phật toàn bộ nhằm biểu thị pháp, biểu thị toàn bộ lịch trình của người tu Tịnh Độ từ sơ phát tâm cho đến khi thành vô thượng đạo. Vì thế, Ngài chẳng phải là tùy tiện nêu lên [danh hiệu chư Phật trong sáu phương], ý vị [của chuyện nêu danh hiệu này] chẳng khác với kinh Hoa Nghiêm cho lắm. Kinh Hoa Nghiêm dùng sự biểu diễn của Thiện Tài đồng tử để biểu thị pháp. Kinh Di Đà dùng danh hiệu của chư Phật trong sáu phương để biểu thị pháp. Ý nghĩa này càng đọc càng thấy có lý, tuyệt đối chẳng phải do tôi suy đoán, nhưng trong các chú giải của cô nhân không có cách nói này. Sớ Sao Diễn Nghĩa và Yếu Giải cũng chẳng có cách nói ấy. Nếu chẳng phải được thần lực của Tam Bảo gia trì, tôi cũng không hiểu! Trên giảng đài chợt phát hiện liền nói một hơi, nói không sai. Do vậy, đây là kinh được chư Phật hộ niệm, chúng ta phải coi trọng. Vì thế, trong hết thấy các kinh, nếu quý vị hỏi tôi: Đối với toàn bộ Đại Tạng Kinh, nếu chỉ cho thầy học một bộ thì thầy muốn học bộ kinh nào? Thưa với quý vị, tôi muốn học A Di Đà Kinh, những kinh khác tôi đều chẳng cần. Nếu còn có thể chọn thêm một bộ nữa thì tôi muốn học kinh Hoa Nghiêm.

“*Xá Lợi, Văn Thù chư thánh giả*”: Trong phần Tự có mười sáu vị tôn giả và bốn vị Bồ Tát. Trong mười sáu vị tôn giả ấy, ngài Xá Lợi Phát đứng đầu, trong bốn đại Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát được xếp đầu tiên. Do vậy, kệ tụng [thỉnh Tam Bảo gia bị] nêu tên hai vị này làm đại biểu.

(Diễn) Nhị độ cú, thị hoành biến nhất thiết xứ.

(演) 二土句，是橫遍一切處。

(Diễn: Câu “hai cõi...” là theo chiều ngang, trọn khắp hết thấy mọi nơi).

Đây là nói tới câu “*nhị độ lục phương biến trần sát*”. Chữ “*nhị độ*” chỉ thế giới Sa Bà và Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Độ*” là quốc độ, mà cũng là khu vực giáo hóa của một vị Phật. Chúng ta biết: Trong kinh, đức Phật thường nói “*đại thiên thế giới*”, đây chính là tam thiên đại thiên thế giới, tức là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Khu vực giáo hóa của mỗi vị Phật được gọi là “*đại thiên thế giới*”, hoặc gọi là “*tam thiên đại thiên thế giới*”. Tuy gọi là “*đại thiên thế giới*”, mỗi đại thiên thế giới hoàn toàn chẳng to như nhau, mà lớn - nhỏ khác nhau. Vì sao lớn - nhỏ khác nhau? Do lúc tu nhân, chư Phật phát nguyện và các thứ nghiệp lực nhân duyên không giống nhau. Vì vậy, Tây Phương Cực

Lạc thế giới lớn hơn thế giới Sa Bà rất nhiều. Thế giới của Ngài là đại tam thiên đại thiên thế giới, còn Sa Bà là tiểu tam thiên đại thiên thế giới. Nếu so sánh, sẽ thấy khác nhau. Đương nhiên trong thái hư cũng có những đại thiên thế giới to hơn thế giới của A Di Đà Phật, chẳng phải là không có. Những đại thiên thế giới nhỏ hơn thế giới Sa Bà cũng có. Vì thế, lớn - nhỏ khác nhau! Giống như ban đêm chúng ta nhìn lên trời thấy các ngôi sao, mỗi tinh cầu cũng lớn nhỏ khác nhau. “*Hoành biến nhất thiết xứ*”: Theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Đây là nói về không gian.

(Diễn) *Quá khứ cú, thị thụ biến nhất thiết thời.*

(演) 過去句，是豎遍一切時。

(Diễn): Câu “*quá khứ*” là theo chiều dọc trọn hết thấy các thời).

Câu “*quá khứ, kiến tại cập đương lai*” nói theo chiều dọc, tức là nói theo phương diện thời gian. Thời gian có đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, vì thế là “*thụ biến nhất thiết thời*” (theo chiều dọc trọn khắp hết thấy thời), trong đoạn trên là “*hoành biến nhất thiết xứ*” (theo chiều ngang, trọn khắp hết thấy mọi nơi). Đây là nói trọn hết thấy thời gian và không gian, chẳng bỏ sót một điều nào. Mười phương ba đời hoàn toàn bao gồm trong ấy. Cảnh giới này to lớn chẳng khác gì cảnh giới chúng ta đã đọc trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Cảnh giới hết sức rộng lớn, đủ thấy tấm lòng của đại sư.

Nay chúng ta làm một tí thiện sự có phạm vi rất nhỏ, đâu có thể nghĩ đến phạm vi to dường ấy, chỉ nghĩ tới một nhà của chính mình là được rồi: Phật, Bồ Tát bảo vệ, ban ân cho cả nhà con bình an, bảo vệ, che chở cho thân thích, bạn bè của con là tuyệt lắm rồi! Nếu lớn hơn một chút thì bảo vệ che chở huyện thị này của con, bảo vệ che chở Đài Loan, chứ những nơi khác chẳng hề nghĩ đến. Có mấy ai làm một chút thiện sự bèn mong cầu người trên cả thế giới tốt đẹp hay chẳng? Loại người như vậy rất ít, ý niệm như vậy rất ít. So với Liên Trì đại sư, vẫn còn thua kém xa lắm. Tâm lượng của Liên Trì đại sư là tận hư không, trọn khắp pháp giới, chẳng bỏ sót một tinh cầu nào. Vì thế, chúng ta học Phật, thường là khi đọc kinh, hãy suy nghĩ từ chỗ này, tâm lượng của chúng ta quá nhỏ, có tư cách gì để làm Phật? Vì vậy, thành Phật thì điều kiện đầu tiên là phải mở rộng tâm lượng, “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Tâm lượng phải lớn!

“*Vô tận Tam Bảo hàm chứng tri*” (vô tận Tam Bảo đều cùng chứng biết). Thế giới vô tận, trong mỗi thế giới đều có Tam Bảo. Vì vậy, Tam Bảo cũng là vô tận. Vô tận Tam Bảo đều chứng minh cho con, chứng minh con phát tâm chân thật, thật sự vì lợi ích hết thảy chúng sanh, cầu Phật làm chứng cho con. “*Duy nguyện từ bi nhiếp thọ ngã*”: Không chỉ chứng minh cho con, mà còn mong Phật dùng thần lực giúp đỡ con, đại từ đại bi nhiếp thọ con. Vì sao phải cầu Phật nhiếp thọ? Tiếp theo đây là nêu ra lời thỉnh cầu gia bị rất rõ rệt: Chính mình đã có đại nguyện như vậy, nhưng không có năng lực! Con có ý nguyện, rất mong sao mỗi một chúng sanh đều nhận biết kinh Di Đà, đều nhận biết Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhưng nay con không có năng lực, con chưa làm được, con rất mong làm. Rất mong làm, nhưng vẫn chưa thể làm, chẳng thể làm thì không được rồi, nên làm như thế nào đây? Cầu Phật giúp đỡ. Con bằng lòng làm, cầu Phật giúp con làm chuyện này viên mãn. Năng lực của chính mình đúng là quá hữu hạn!

“*Ngã kim vọng dĩ uế độ kiến*” (con nay làm lạc dùng kiến giải trong uế độ), “*kiến*” là kiến giải, tức kiến giải của phàm phu. Phàm phu làm sao thấu hiểu cảnh giới của Phật? Phàm phu làm sao có thể suy lường tri kiến của Phật cho được? Đương nhiên chẳng thể nào! “*Lãi trác Như Lai thanh tịnh tâm*” (suy đoán hẹp hòi tâm thanh tịnh của Như Lai), “*lãi*” (蠹) là cái ống nhỏ, nhỏ tí tẹo. Nếu quý vị nhìn bên ngoài [qua một cái ống] thì cũng chỉ có thể thấy cục bộ, chẳng thấy được toàn thể. Điều này tỷ dụ kiến giải và kiến văn của chính mình hết sức nhỏ hẹp, không có cách nào nhập tri kiến của Phật được!

(Diễn) *Như Lai thanh tịnh tâm giả.*

(演) 如來清淨心者。

(Diễn: *Tâm thanh tịnh của Như Lai là...*)

Tức là tri kiến của Phật.

(Diễn) *Như Lai tùng Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, cố thử kinh tức thị Như Lai thanh tịnh tâm.*

(演) 如來從實相般若流出文字般若，故此經即是如來清淨心。

(Diễn: Như Lai từ Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, nên kinh này chính là tâm thanh tịnh của Như Lai).

Hết thấy kinh đều từ trí huệ Bát Nhã của Như Lai lưu lộ ra văn tự. Kinh Hoa Nghiêm nói rất hay: *“Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải”* (Phật pháp không có ai nói thì dù là người có trí vẫn chẳng thể hiểu được). Kinh Phật nhất định phải có người nói. Nếu không có ai giảng giải cho quý vị, dẫu là người thông minh có trí huệ trong thế gian, vẫn chẳng hiểu! Vì sao không hiểu? Phật từ tâm thanh tịnh lưu xuất ngữ ngôn, văn tự, còn người thế gian tâm phân biệt, tâm chấp trước, tâm ô nhiễm, chẳng giống như tâm Phật, cho nên hễ tiếp xúc Phật pháp, nhất định sẽ hiểu lệch lạc ý nghĩa. Người ấy dựa vào tri kiến của chính mình để giải thích kinh Phật, nên phạm sai lầm! *“Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan”* (giải thích ý nghĩa của kinh điển dựa theo văn tự, ba đời chư Phật bị oan). Ba đời chư Phật đều kêu oan uổng, hiểu trật ý nghĩa mất rồi! Cho nên chẳng thể dựa theo văn tự để giải thích [kinh Phật].

Vậy thì cần phải do người nào nói? Cần phải có người hữu tu hữu chứng nói, vì người hữu tu hữu chứng tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi cảm ứng với tâm thanh tịnh, nên mới có thể thấu hiểu những ý nghĩa chân chánh trong kinh Phật. Do vậy, dùng tâm chẳng thanh tịnh để giảng kinh Phật thì chẳng có đạo lý ấy, giảng không nên thân! Quý vị muốn cầu Phật, Bồ Tát cảm ứng, cũng phải dùng cái tâm thanh tịnh mới hòng cảm ứng. Tâm chẳng thanh tịnh, có muốn cầu cũng chẳng cầu được! Chuyện này chẳng thể miễn cưỡng! Chẳng phải là ta đốt nhiều nén hương thơm, hằng ngày thắp đèn, lễ bái, ve vuốt, bợ đỡ, chắc là Phật sẽ từ bi đối với ta. Nếu quý vị nghĩ có thể dùng cảm tình để xử sự thì lầm to rồi!

Phật, Bồ Tát không xử sự bằng cảm tình, thuần túy là lý trí, chẳng nói tới chuyện tình cảm. Không hợp điều kiện này, quý vị sẽ chẳng có một tí biện pháp nào hết! Nếu tâm địa thanh tịnh, quý vị suốt ngày từ sáng đến tối chẳng hề thắp hương, chẳng dập đầu, chẳng lễ bái, chẳng thắp đèn, mà vẫn có cảm ứng, vì sao? Tịnh cảm ứng với tịnh!

Vì sao dạy quý vị những nghi thức? Nghi thức nhằm thời thời khắc khắc nhắc quý vị nâng cao sự cảnh giác của chính mình, nhắc quý vị về giác - chánh - tịnh, mang ý nghĩa này. Nếu tâm địa thanh tịnh quang minh, thắp đèn hay không cũng chẳng sao. Vì tâm địa của chúng ta quá tối tăm nên thường nhìn vào đèn, bèn nghĩ chúng ta phải quang minh, phải giác ngộ, mang ý nghĩa như vậy đó. Bởi lẽ, tâm thanh tịnh thì

mới có thể cảm ứng. Do điều này, kinh Phật là tâm thanh tịnh của Như Lai, là vật được biến hiện bởi tâm thanh tịnh, đặc biệt là bộ kinh này. Bộ kinh này thanh tịnh hơn những kinh khác, vì sao? Thuần nhất giảng nhất tâm bất loạn, không vòng vèo, quanh co. Những kinh khác còn vòng vèo, quanh co, dần dần mới chuyển đến chỗ này. Kinh này thẳng thừng, thỏa đáng, vì thế, nói nó là đặc biệt thanh tịnh.

“*Ngưỡng thừa Tam Bảo đại oai thân, gia bị phạm ngu thành thắng trí*”: Không có trí huệ thù thắng của Như Lai, Bồ Tát, sẽ không có cách gì nêu tỏ ý nghĩa của kinh này. Nếu muốn nêu tỏ ý nghĩa của kinh, đồng thời muốn phù hợp với trí Phật thì giống như trong bài kệ Khai Kinh đã nói “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, thật sự là chuyện chẳng dễ dàng! Không được Tam Bảo gia trì, chắc chắn chẳng làm được. Tiếp theo đó, lời kệ nêu bày nguyện vọng “*sử ngã ngôn ngôn phù Phật ý*” (khiến cho từng chữ của con đều phù hợp ý Phật). Ba câu cuối là hỏi hướng, cũng là nêu rõ mục đích ở nơi đâu: Giúp Phật lưu thông đại pháp “*lưu thông hà nhĩ*” (lưu thông xa - gần), “*hà nhĩ*” (遐邇) là xa - gần. Trong sự xa - gần này có thời gian và không gian. Thời gian là nói hiện tại và vị lai, quá khứ chẳng cần nói đến nữa! Không gian là từ gần đến xa, tức là như phạm phu chúng ta nói: Không gian hoạt động hiện thời của chúng ta tính đến cực hạn là quả địa cầu này.

Từ ngôi chùa Vân Thê ở Hàng Châu mà lão nhân gia đang trụ, từ chỗ này dần dần lưu truyền đến những khu vực khác, từ Trung Quốc truyền sang ngoại quốc, đây là từ gần đến xa, từ thế giới này của chúng ta lưu thông sang thế giới khác. Đó là nguyện vọng của đại sư, hy vọng các chúng sanh hễ ai trông thấy, nghe đến bộ kinh này đều có thể sanh lòng hoan hỷ. Nghe kinh trọn chẳng nhất định là phải nghe từ đầu đến đuôi. Có thể nghe hoàn chỉnh đương nhiên là tốt đẹp, nhưng quý vị phải hiểu: Giảng bộ kinh này mà có thể nghe từ đầu đến đuôi thì phước báo rất lớn. Đặc biệt là những bộ kinh lớn thì gần như chẳng thể nào [nghe giảng trọn vẹn từ đầu đến cuối].

Còn như bộ kinh này, trong quá khứ chúng tôi đã giảng hai lần ở Đài Bắc. Lần thứ nhất giảng tại Liên Hữu Niệm Phật Đoàn, bốn năm mới viên mãn. Lần thứ hai giảng tại Đồ Thư Quán của chúng ta, năm năm viên mãn. Tổng cộng giảng ba trăm ba mươi lăm lượt, có ai mỗi buổi giảng đều có thể đến nghe? Chẳng thể nào! Vì vậy, chẳng sót một buổi nào chỉ có một mình tôi, chẳng vắng mặt buổi nào. Ngoài ra, không tìm được một ai khác.

Do vậy, nếu quý vị muốn tương lai chẳng bị sót buổi nào, hãy lên đài giảng kinh, quý vị sẽ chẳng bị khuyết. Nói chung, thính chúng bị những chuyện khác quấy rầy, một hai lần không đến được là chuyện thường, nhất là kinh dài như vậy sẽ bị vắng mặt. Nghe một lần cũng được, nghe một lần bèn được lợi ích một lần. Nghe một lần, cảm nhận một lần, có thể sanh lòng hoan hỷ. Nếu có thể tin nhận phụng hành, phát nguyện vãng sanh thì một lần cũng chẳng thể coi là ít, vô lượng vô biên công đức! Mục tiêu cuối cùng là “*đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả*”.

(Diễn) Tịch Quang vô thượng quả giả, tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ, giai chứng Tịch Quang nhi phi vô thượng.

(演)寂光無上果者，四十一位法身大士，皆證寂光而非無上。

(Diễn: “Tịch Quang vô thượng quả”: Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều chứng Tịch Quang, nhưng chưa vô thượng).

Trong kinh Hoa Nghiêm, “*bốn mươi một địa vị*” là các vị Bồ Tát trong Hoa Tạng hải hội được mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Bốn mươi một địa vị tính từ Sơ Trụ, tức Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Trong bốn mươi một địa vị này, không có cách nào tính trọn hết số người trong mỗi một địa vị, chẳng biết có bao nhiêu Sơ Trụ Bồ Tát, Nhị Trụ Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, số lượng quá nhiều! Nói chung, chẳng ra ngoài bốn mươi một loại này, đều là sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Từ kinh Hoa Nghiêm, ta có thể thấy được điều này: Họ sanh vào cõi Tịch Quang, nhưng cõi Tịch Quang và cõi Thật Báo là đồng thời chứng đắc, sanh vào cõi Thật Báo là sanh vào cõi Tịch Quang. Tịch Quang là Lý, Thật Báo là Sự, Lý - Sự vô ngại, Sự - Sự vô ngại. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, nhưng chưa phải là vô thượng.

(Diễn) Duy Diệu Giác nhất vị, nãi vi vô thượng quả dã.

(演)唯妙覺一位，乃為無上果也。

(Diễn: Chỉ có địa vị Diệu Giác mới là quả vô thượng).

“*Diệu Giác nhất vị*” (địa vị Diệu Giác) là “*vô thượng quả*”. Vô thượng quả là Phật quả. Diệu Giác là Phật, tức [quả vị] Phật trong Viên

Giáo, không có gì cao hơn, đã đạt đến tột đỉnh. Đây là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Học Phật đến chỗ này mới tính là thật sự viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa phải là thật sự viên mãn, nhất định phải đạt tới Diệu Giác mới là viên mãn. Đây là giới thiệu đơn giản đoạn văn “*thỉnh gia*”. Tiếp theo đó, chính đại sư có viết một đoạn chú giải.

(Sớ) Quy mạng, như Ba La Mật lệ, đảo ngữ pháp dã.

(疏) 歸命，如波羅密例，倒語法也。

(Sớ: Quy mạng là theo thể lệ như chữ Ba La Mật, cú pháp đảo ngược).

Đây là đảo ngược cú pháp. Vì kinh văn là từ tiếng ngoại quốc dịch sang tiếng Hán, trong những danh từ thuật ngữ được dùng, có rất nhiều từ ngữ là những câu dịch từ tiếng Phạn, có rất nhiều câu văn đảo ngữ, vẫn giữ nguyên hình thức trong tiếng Phạn, nhưng tình hình này không nhiều!

(Sớ) Quy nghĩa hữu nhị: Nhất giả quy đầu nghĩa, ngôn thế nhân chí trọng giả thân mạng.

(疏) 歸義有二：一者歸投義，言世人至重者身命。

(Sớ: “Quy” có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất là quay về, gieo vào, ý nói: Người đời coi trọng thân mạng nhất).

Người thế gian đại đa số coi trọng thân mạng nhất, không có gì quan trọng hơn! Nếu coi nhẹ thân mạng, coi trọng những thứ khác thì người như vậy chẳng nhiều, mà là thiểu số! Tuyệt đại đa số là coi trọng thân mạng của chính mình nhất!

(Sớ) Cử thân mạng nhi quy y, thành kính chí chí, vô nhị tâm dã.

(疏) 舉身命而歸依，誠敬之至，無二心也。

(Sớ: Dem trọn thân mạng quy y, thành kính tột bậc, chẳng có hai lòng).

Sự quy y ấy chí thành đến tột bậc, do vậy, dùng chữ “*quy mạng*”, tức là dùng thân mạng để quy y. “*Quy mạng*” bao hàm hai nghĩa, đây là nghĩa thứ nhất. Nghĩa thứ hai là...

(Sớ) Nhị giả, quy nguyên nghĩa, cử thân mạng nhi quy y, tức thị tổng nhiếp lục căn hoàn quy nhất tâm dã.

(疏)二者歸元義，舉身命而歸依，即是總攝六根還歸一心也。

(Sớ: Nghĩa thứ hai là trở về nguồn, dốc trọn thân mạng quy y chính là nhiếp trọn sáu căn trở về nhất tâm).

“Nguyên” là “nguyên bản”, tức là căn bản của chúng ta, căn bản là nhất tâm. Trong nhà Phật, chấp tay có ý nghĩa gì? Chấp tay biểu thị nhất tâm: Mười đầu ngón tay biểu thị sự tán loạn; có thể thu gom cái tâm tán loạn, gom thành nhất tâm. [Chấp tay] biểu thị ý nghĩa này. Do vậy, hễ chấp tay, vừa thấy bàn tay chấp lại thì phải thu tâm lại. Tâm và hạnh bên ngoài phải tương ứng. Nếu chấp tay mà trong tâm vẫn khởi vọng tưởng thì sai mất rồi, trong và ngoài chẳng như nhau! Hình thức bên ngoài tưởng chừng như tràn ngập cung kính, nhưng bên trong vẫn khởi vọng tưởng, đây chẳng phải là cung kính thật sự! Trong và ngoài giống hệt như một mối là cung kính thật sự. “Tổng nhiếp lục căn hoàn quy nhất tâm” (nhiếp trọn sáu căn trở về nhất tâm). Trong chú giải có nói...

(Diễn) Hoàn quy nhất tâm giả, nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp; kim phản lục hòa hợp, hoàn quy nhất tinh minh dã.

(演)還歸一心者，元依一精明，分成六和合，今返六和合，還歸一精明也。

(Diễn: “Trở về nhất tâm”: Vốn là nương vào một cái tinh minh mà chia thành sáu thứ hòa hợp, nay quay ngược sáu thứ hòa hợp trở về một cái tinh minh).

Đây là những câu trích từ kinh Lăng Nghiêm. “Nhất tinh minh” là nhất tâm của chính mình, “lục hòa hợp” là sáu căn. Chân tâm quý vị từ sáu căn khởi ra sáu thứ tác dụng khác nhau, nơi mắt gọi là thấy, nơi tai là nghe, nơi mũi là ngửi, nơi lưỡi là nếm; thật ra, chúng đều là tác dụng của nhất tâm. Nếu quý vị chẳng thấu hiểu ý nghĩa này thì chúng tôi nêu lên một tỷ dụ để quý vị dễ hiểu! Thí như điện từ nhà máy điện phát ra là

một, chẳng có gì khác nhau, nhưng điện ở nơi đèn thì tỏa sáng. Đèn là một khí cụ, nó khởi tác dụng là ánh sáng. Nơi máy thu âm, điện khiến cho máy thu lại âm thanh của chúng ta. Tại máy sưởi điện thì nó tỏa nhiệt. Tùy theo đồ vật khác nhau mà điện khởi tác dụng khác nhau. Tuy khởi tác dụng khác nhau, nhưng đều là một dòng điện, tuyệt đối chẳng thể nói điện tỏa sáng và điện nơi máy thu âm là hai thứ, chẳng phải là một! Không có đạo lý ấy! Tác dụng nơi sáu căn của chúng ta quả thật là một, không hai, nó là chân tâm. Mắt của chúng ta giống như đèn, tai giống như máy thu âm, dòng điện khởi tác dụng tại những nơi đó. Vì thế nói là “*nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp*”, tại sáu căn khởi sáu thứ tác dụng khác nhau; tuy khởi sáu thứ tác dụng khác nhau, nhưng phải biết chúng hoàn toàn là nhất tâm.

“*Kim phản lục hòa hợp, hoàn quy nhất tinh minh*”: Nay chúng ta quay đầu lại, hợp sáu cái tâm nơi sáu căn này thành một, “*thành tâm*” (tâm chân thành) bèn hiện tiền. Nhất tâm phân tán nơi sáu căn, đó là tách rời ra; hiện thời chúng lại được quy nhất, biểu thị chí thành, biểu thị cung kính, đây là ý nghĩa “*hoàn quy nhất tâm*”.

(Sớ) Sa Bà ngôn Thích Ca, Tây Phương ngôn Di Đà, tiên Thích Ca giả, giáo sở diêu hưng dã. Nhự tử phong hầu, thượng bất bối bổn; phàm phu nhập thánh, khởi đắc cô ân? Cổ hữu lâm chung phân hương cúng dường Thích Ca giả, chánh thứ ý dã.

(疏)娑婆言釋迦，西方言彌陀。先釋迦者，教所繇興也，孺子封侯，尚不背本，凡夫入聖，豈得辜恩。古有臨終焚香先供養釋迦者，正此意也。

(*Sớ: Ở cõi Sa Bà là nói đến Phật Thích Ca, tại Tây Phương là nói tới Phật Di Đà. Nói tới Phật Thích Ca trước là vì giáo pháp do Ngài mà hưng khởi. Trẻ thơ được phong hầu, còn chẳng quên cội gốc. Phàm phu dự vào bậc thánh, há lẽ phụ ơn? Xưa kia có người lâm chung bèn thấp hương cúng dường Phật Thích Ca trước, chính là vì ý này vậy).*

Đoạn này nhằm giải thích vì sao trong bài kệ Quy Mạng, trước hết đại sư nói “*quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ*”, rồi lại nói “*Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn*”. Xếp Phật Thích Ca lên trước, A Di Đà Phật xếp ra sau, là vì chẳng quên nguồn cội. Có sao quý vị biết đến thế giới Tây Phương? Do Bôn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu, chẳng thể quên

mắt đại ân nhân! Nếu chúng ta chẳng lễ kính Thích Ca Mâu Ni Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật sẽ đuổi quý vị đi. Người giới thiệu có ân lớn như thế mà người còn quên bằng thì có chấp nhận được chăng? Chẳng thể được! Do vậy, con người chớ nên quên nguồn cội. Nhà Phật coi trọng điều này, mà Nho gia cũng coi trọng. Đây cũng là điểm đặc sắc của văn hóa Trung Quốc. Vì thế, người Hoa thờ tổ tiên, không gia đình nào chẳng thờ tổ tiên. Thờ tổ tiên nhằm quay về cội, báo đáp nguồn gốc, kỷ niệm tổ tiên xa xưa nhất của chúng ta tuy đã xa cách nhiều đời, mấy ngàn vạn năm. Chúng ta cũng chẳng biết mặt mũi họ như thế nào, nhưng trong tâm luôn tưởng nhớ vị thủy tổ của chúng ta, mang ý nghĩa này! Đoạn này nhằm thuyết minh đạo lý này.

“Tiên Thích Ca giả, giáo sở diêu hưng dã” (nói tới Phật Thích Ca trước là vì giáo pháp do Ngài mà hưng khởi). Chữ *“giáo”* đặc biệt chỉ giáo pháp Tịnh Độ trong kinh Di Đà do Phật dạy cho chúng ta. *“Nhụ tử phong hầu, thượng bất bối bốn”* (trẻ thơ được phong hầu, còn chẳng quên gốc). Chỗ này có điển cố, tức là chuyện của Trần Bình⁴ đời Hán. Khi Trần Bình được phong hầu, ông ta nghĩ đến Ngụy Vô Tri là người đầu tiên đã tiến cử ông ta với Hán Cao Tổ. Nếu chẳng được ông ta tiến dẫn, Trần Bình sẽ không có cách nào thân cận Hán Cao Tổ. Nay ông ta được phong hầu, người giới thiệu ấy nhất định phải được phong thưởng. Do vậy, Hán Cao Tổ hết sức khen ngợi Trần Bình, nói ông ta không quên cội gốc. Nêu ra câu chuyện xưa như vậy.

“Phàm phu nhập thánh, khởi đắc cô ân”: Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ bèn là thánh nhân. Nói thông thường, Pháp Thân đại sĩ mới được gọi là thánh nhân, Ma Ha Tát mới gọi là thánh nhân, còn Bồ Tát được gọi là hiền nhân. Ma Ha là Đại, bậc đại Bồ Tát kiến tánh mới được

⁴ Trần Bình là đại thần của Hán Cao Tổ (Luu Bang) người làng Hộ Dũ xứ Dương Vũ (nay là huyện Nguyên Dương, tỉnh Hà Nam), đa mưu túc trí, từng phục vụ dưới trướng Hạng Vũ, rất được Hạng Vũ coi trọng. Về sau, đắc tội với Á Phụ Phạm Tăng nên phải trốn sang cầu cạnh Luu Bang. Vì Luu Bang nghi kỵ, không trọng dụng, nên Ngụy Vô Tri phải tiến cử. Về sau, Trần Bình giữ chức Thừa Tướng nhà Hán. Thuở bần hàn, Trần Bình tuy cao lớn, đẹp trai, học giỏi, khéo ăn nói, nhưng vì đã lớn mà chẳng có nghề nghiệp vững chắc, gia cảnh bần hàn, nên không ai gả con cho, ngoài ba mươi tuổi vẫn chưa có vợ. Mãi về sau, Trương Phụ là người giàu có trong làng, có đứa cháu nội đã năm lượt góa chồng, không ai dám lấy, Trần Bình đành phải bầm bụng xin cưới. Do vợ chăm làm, gia đình vợ giúp đỡ, Trần Bình khá lên, được phong làm Xã Tề (gần như xã trưởng). Mỗi lần trong làng tế lễ, phân chia thịt đã tế cho người trong làng, các bô lão thường khen: *“Trần Bình nhụ tử (thằng nhãi con Trần Bình) chia thịt rất khéo”*.

gọi là thánh nhân. Phàm phu chúng ta đều Hạ Phẩm Hạ Sanh nhưng vẫn sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều được gọi là thánh nhân; đây là chỗ thù thắng trong thế giới Cực Lạc: Chỉ cần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ thành Phật, vì sao? Thành Phật trong một đời. Hiện thời, Mật Tông cường điệu chuyện “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này), chưa chắc đã trông cậy được! Vãng sanh Tây Phương tức thân thành Phật là chuyện tuyệt đối trông cậy được! Trong Thiền và Mật có rất nhiều ngộ rồi, ma chướng rất nhiều! Thật thà niệm Phật chắc chắn không có chướng ngại, thành tựu ổn thỏa, thích đáng; hai tông kia chẳng thể nào sánh bằng được! Do vậy, chẳng thể cô phụ ân đức giới thiệu của đức Bổn Sư.

“*Cổ hữu lâm chung phân hương tiên cúng dường Thích Ca giả*”: Đây là khi lâm chung vãng sanh, người ấy thấp hương cúng dường Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật nhằm báo ân, ý nghĩa là ở chỗ này. Ai vậy? Ông Lưu Di Dân. Ông này cũng thật sự vãng sanh, chẳng giả tí nào! Ông ta thuộc Đông Lâm Liên Xã, ở cùng một nơi với Huệ Viễn đại sư. Huệ Viễn đại sư sáng lập Liên Xã trước nhất tại Lô Sơn. Họ gồm một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật, ai nấy đều vãng sanh. Đương nhiên vãng sanh chẳng phải cùng trong một ngày, có người ra đi sớm, có người ra đi trễ, nhưng quả thật ai nấy đều vãng sanh. Những người vãng sanh sau thấy người vãng sanh trước theo chân A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí cùng đến tiếp dẫn, mỗi người đều có tướng lành hết sức tốt đẹp. Trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc, đây là một trang sử rạng rỡ nhất, vì ai nấy đều thành tựu, đạo tràng này có nhiều người thành tựu nhất.

Kế đó, trong Thiền Tông, thành tựu nhiều nhất là đạo tràng của Lục Tổ. Lục Tổ dạy học tại chùa Nam Hoa ba mươi bảy năm, người thành tựu tổng cộng là bốn mươi ba người. Những người đại triệt đại ngộ mình tâm kiến tánh trong hội của Ngài tổng cộng bốn mươi ba người. Bất cứ vị Tổ Sư nào trong lịch sử Thiền Tông cũng chẳng có cách nào sánh bằng Ngài, nhưng nếu so giữa Ngài và Viễn Công đại sư thì người được thành tựu nơi Viễn Công đại sư hơn những người thành tựu nơi Lục Tổ quá nhiều. Dầu là người đã đại triệt đại ngộ trong Thiền Tông thì người ấy vẫn chưa rốt ráo, chưa phải là viên mãn, còn người vãng sanh Tịnh Độ đã rốt ráo viên mãn, chúng ta phải nên hiểu điều này! Khi ông Lưu Di Dân vãng sanh, lúc Phật đến tiếp dẫn, ông ta thấy Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn mình, bèn vội đốt hương, trước hết lễ bái Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: Nếu chẳng phải do Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh giới thiệu, làm sao con có ngày hôm nay? Lễ

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa

Thích Ca Mâu Ni Phật xong, lại lễ bái A Di Đà Phật, theo A Di Đà Phật ra đi. Do có chuyện này, nhằm nói lên ý nghĩa muốn báo đáp ân đức của đức Bổn Sư, và muôn phần chớ nên quên mất người giới thiệu. Con người chớ nên quên cội gốc! Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này.